

Số: 5244/QĐ - ĐHTV

Trà Vinh, ngày 03 tháng 11 năm 2017

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc tặng giấy khen và học bổng khuyến khích học tập cho học sinh, sinh viên  
Khoa Nông nghiệp Thủy sản, Học kỳ I (Đợt 2) - Năm học 2016-2017**

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH**

Căn cứ Quyết định số 141/2006/QĐ-TTg ngày 19 tháng 6 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Trà Vinh;

Căn cứ Quyết định số 992/QĐ-UBND ngày 31 tháng 5 năm 2010 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc phê duyệt quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Trà Vinh;

Căn cứ Quyết định số 3979/QĐ-ĐHTV ngày 25 tháng 8 năm 2016 về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ Trường Đại học Trà Vinh, định mức chi học bổng khuyến khích học tập đối với học sinh, sinh viên Trường Đại học Trà Vinh;

Căn cứ Quyết định số 4186/QĐ-ĐHTV ngày 13 tháng 9 năm 2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Trà Vinh về việc ban hành Quy định xét, cấp học bổng khuyến khích học tập cho học sinh, sinh viên hệ đào tạo chính quy tại Trường Đại học Trà Vinh;

Xét đề nghị của Trường Khoa Nông nghiệp Thủy sản, Trường Phòng Công tác Sinh viên, học sinh, Trường phòng Kế hoạch - Tài vụ,

**QUYẾT ĐỊNH:**

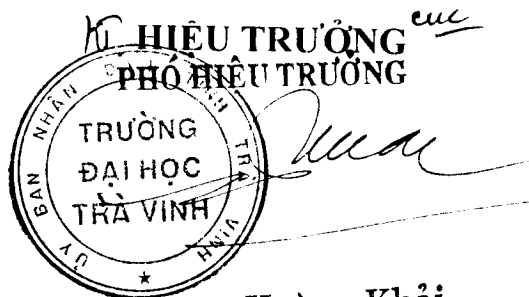
**Điều 1.** Tặng giấy khen và học bổng khuyến khích học tập Học kỳ I, Đợt 2, năm học 2016-2017 cho **82** sinh viên các lớp Đại học, Cao đẳng thuộc Khoa Nông nghiệp Thủy sản (*Danh sách đính kèm*). Với tổng số tiền học bổng là: **257.771.600 đ** (*Hai trăm năm mươi bảy triệu bảy trăm bảy mươi một nghìn sáu trăm đồng*).

**Điều 2.** Trường phòng Kế hoạch-Tài vụ, Trường phòng Đào tạo, Trường phòng Khảo thí, Trường phòng Công tác Sinh viên, học sinh, Trường phòng Thanh tra- Pháp chế, Trường các Phòng, Khoa liên quan và học sinh, sinh viên có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- Ban Giám hiệu;
- Như Điều 2;
- Lưu: VT, CTSV-HS, SP.

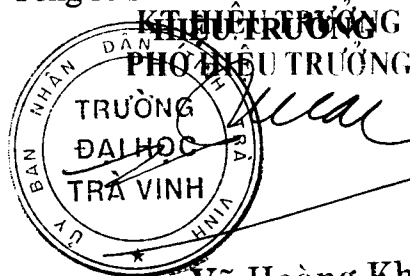


**Võ Hoàng Khải**

**DANH SÁCH NHẬN HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP  
HỌC KỲ I NĂM HỌC 2016-2017 (ĐỢT 2)  
BẬC TRUNG CẤP**

| BẠC TRUNG CÁI                                             |                                      |                         |              |           |      |    |          |                           |                       |            |              |              |
|-----------------------------------------------------------|--------------------------------------|-------------------------|--------------|-----------|------|----|----------|---------------------------|-----------------------|------------|--------------|--------------|
| TT                                                        | MSSV                                 | HỌ VÀ TÊN               | SỐ TÀI KHOẢN | SỐ CMND   | ĐIỂM |    | XẾP LOẠI | Phần trăm (%) mức HB được | Mức học phí hiện hành | Thành tiền | GHI CHÚ      |              |
|                                                           |                                      |                         |              |           | TBHK | RL |          |                           |                       |            |              |              |
| KHÓA 2015                                                 |                                      |                         |              |           |      |    |          |                           |                       | 15.265.000 |              |              |
| I                                                         | TC CHĂN NUÔI THÚ Y 2015 (TH15TYA)    |                         |              |           |      |    |          |                           |                       | 6.450.000  | 3suất/42 SV  |              |
| 1                                                         | 311315032                            | Lê Huỳnh Khang          | 0110101377   | 334931418 | 7.6  | 71 | Khá      | 100                       | 2.150.000             | 2.150.000  |              |              |
| 2                                                         | 311315069                            | Lý Tiểu Phương          | 0110101387   | 334932620 | 7.5  | 77 | Khá      | 100                       | 2.150.000             | 2.150.000  |              |              |
| 3                                                         | 311315089                            | Nguyễn Thanh Toàn       | 0110101395   | 334196210 | 7.8  | 89 | Khá      | 100                       | 2.150.000             | 2.150.000  |              |              |
| II                                                        | TC CHĂN NUÔI THÚ Y 2015 (TH15TYB)    |                         |              |           |      |    |          |                           |                       |            | 6.450.000    | 3 suất/41 SV |
| 1                                                         | 311315062                            | Dương Nguyễn Thiện Nhân | 0110101211   | 334832739 | 7.4  | 87 | Khá      | 100                       | 2.150.000             | 2.150.000  |              |              |
| 2                                                         | 311315067                            | Hứa Kim Phương          | 0110101218   | 334797494 | 7.1  | 85 | Khá      | 100                       | 2.150.000             | 2.150.000  |              |              |
| 3                                                         | 311315098                            | Võ Văn Thái             | 0109888326   | 334912515 | 7.2  | 79 | Khá      | 100                       | 2.150.000             | 2.150.000  |              |              |
| III                                                       | TC NUÔI TRỒNG THỦY SẢN 2015 (TH15TS) |                         |              |           |      |    |          |                           |                       |            | 2.365.000    |              |
| 1                                                         | 310315005                            | Nguyễn Hữu Lộc          | 0110277173   | 312446662 | 8.8  | 83 | Giỏi     | 110                       | 2.150.000             | 2.365.000  | 1 suất/12 SV |              |
| TỔNG CỘNG :                                               |                                      |                         |              |           |      |    |          |                           |                       | 15.265.000 |              |              |
| Bảng chữ: Mười lăm triệu hai trăm sáu mươi lăm nghìn đồng |                                      |                         |              |           |      |    |          |                           |                       |            |              |              |

Tổng số sinh viên danh sách trên là: 07 sinh viên



Võ Hoàng Khải

Ngô Pô Phe

Trần Thị Letic

KHOA NÔNG NGHIỆP-THỦY SẢN  
TRƯỞNG KHOA LẬP BẢNG

Lâm Thái Hùng

Nguyễn Văn Thor

Trà Vinh, ngày 03 tháng 11 năm 2017

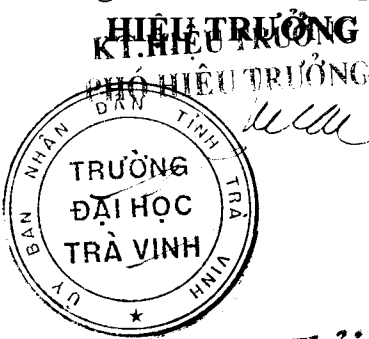
**DANH SÁCH NHẬN HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP  
HỌC KÌ I- NĂM HỌC 2016-2017 (ĐỢT 2)  
BẠC CAO ĐẲNG**

| STT                                                      | MSSV      | HỌ VÀ TÊN             | SỐ TÀI KHOẢN | SỐ CMND   | ĐIỂM |    | XẾP LOẠI HỌC BỔNG | PHẦN TRĂM (%) MỨC HB ĐƯỢC HƯỞNG | SỐ TÍN CHỈ | MỨC HỌC PHÍ THEO TÍN CHỈ | ĐƠN GIÁ HỌC BỔNG | THÀNH TIỀN        | GHI CHÚ             |
|----------------------------------------------------------|-----------|-----------------------|--------------|-----------|------|----|-------------------|---------------------------------|------------|--------------------------|------------------|-------------------|---------------------|
|                                                          |           |                       |              |           | TBHK | RL |                   |                                 |            |                          |                  |                   |                     |
| 1                                                        | 2         | 3                     | 4            | 5         | 6    | 7  | 8                 | 9                               | 10         | 11                       | 12=10x11         | 13=9x12           | 14                  |
| <b>KHÓA 2014</b>                                         |           |                       |              |           |      |    |                   |                                 |            |                          |                  | <b>17.984.800</b> |                     |
| <b>I.CAO ĐẲNG PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN (CA14PT)</b>          |           |                       |              |           |      |    |                   |                                 |            |                          |                  | <b>3.998.400</b>  | <b>2 suất/27 SV</b> |
| 1                                                        | 210214022 | Lâm Thị Lệ Huyền      | 0109727006   | 334921004 | 3.43 | 84 | Giỏi              | 110%                            | 14         | 136.000                  | 1.904.000        | 2.094.400         |                     |
| 2                                                        | 210214058 | Nguyễn Thị Kiều Trang | 0109727021   | 334921803 | 3.57 | 74 | Khá               | 100%                            | 14         | 136.000                  | 1.904.000        | 1.904.000         |                     |
| <b>II.CAO ĐẲNG CÔNG NGHỆ CHẾ BIẾN THỦY SẢN (CA14CBA)</b> |           |                       |              |           |      |    |                   |                                 |            |                          |                  | <b>2.576.000</b>  | <b>1 suất/12 SV</b> |
| 1                                                        | 211414026 | Nguyễn Thị Huỳnh Như  | 0109727031   | 334865077 | 2.83 | 77 | Khá               | 100%                            | 16         | 161.000                  | 2.576.000        | 2.576.000         |                     |
| <b>III.CAO ĐẲNG THỦ Y (CA14TY)</b>                       |           |                       |              |           |      |    |                   |                                 |            |                          |                  | <b>8.268.800</b>  | <b>4 suất/46 SV</b> |
| 1                                                        | 211314078 | Lý Minh Sau           | 0109575863   | 365953632 | 3.00 | 77 | Khá               | 100%                            | 15         | 136.000                  | 2.040.000        | 2.040.000         |                     |
| 2                                                        | 211314083 | Hà Quốc Thắng         | 0109575865   | 334922528 | 3.07 | 73 | Khá               | 100%                            | 15         | 136.000                  | 2.040.000        | 2.040.000         |                     |
| 3                                                        | 211314099 | Hoàng Thị Kiều Trang  | 0109575871   | 362380284 | 3.46 | 85 | Giỏi              | 110%                            | 13         | 136.000                  | 1.768.000        | 1.944.800         |                     |
| 4                                                        | 211314113 | Nguyễn Minh Thư       | 0109575866   | 321544977 | 3.40 | 84 | Giỏi              | 110%                            | 15         | 136.000                  | 2.040.000        | 2.244.000         |                     |
| <b>IV.CAO ĐẲNG NUÔI TRỒNG THỦY SẢN (CA14TS)</b>          |           |                       |              |           |      |    |                   |                                 |            |                          |                  | <b>3.141.600</b>  | <b>1 suất/12 SV</b> |
| 1                                                        | 210314011 | Trương Thị Hồng Đào   | 0109576859   | 334865026 | 3.81 | 80 | Giỏi              | 110%                            | 21         | 136.000                  | 2.856.000        | 3.141.600         |                     |
| <b>KHÓA 2015</b>                                         |           |                       |              |           |      |    |                   |                                 |            |                          |                  | <b>14.594.000</b> |                     |
| <b>V. CAO ĐẲNG CÔNG NGHỆ THỰC PHẨM (CA15CNTP)</b>        |           |                       |              |           |      |    |                   |                                 |            |                          |                  | <b>2.898.000</b>  | <b>1 suất/16 SV</b> |
| 1                                                        | 21012     | Cao Văn Phú           | 0110089323   | 334955464 | 3.00 | 87 | Khá               | 100%                            | 18         | 161.000                  | 2.898.000        | 2.898.000         |                     |

|                                                    |           |                     |            |           |      |    |     |      |    |         |           |                   |                       |
|----------------------------------------------------|-----------|---------------------|------------|-----------|------|----|-----|------|----|---------|-----------|-------------------|-----------------------|
| <b>VI. CAO ĐẲNG THỦ Y (CA15TY)</b>                 |           |                     |            |           |      |    |     |      |    |         |           | <b>6.256.000</b>  | <b>2 suất/31 SV</b>   |
| 1                                                  | 213215006 | Lê Quang Nghĩa      | 0110194514 | 212831422 | 3.04 | 80 | Khá | 100% | 23 | 136.000 | 3.128.000 | 3.128.000         |                       |
| 2                                                  | 213215014 | Nguyễn Thị Cẩm Tiên | 0110086959 | 334905671 | 3.17 | 74 | Khá | 100% | 23 | 136.000 | 3.128.000 | 3.128.000         |                       |
| <b>VII. CAO ĐẲNG PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN (CA15PT)</b> |           |                     |            |           |      |    |     |      |    |         |           | <b>2.584.000</b>  |                       |
| 1                                                  | 210215004 | Trần Thị Hồng Nhung | 0110067240 | 334943239 | 3.16 | 88 | Khá | 100% | 19 | 136.000 | 2.584.000 | 2.584.000         | <b>1 suất/13 SV</b>   |
| <b>VIII. CAO ĐẲNG NUÔI TRỒNG THỦY SẢN (CA15TS)</b> |           |                     |            |           |      |    |     |      |    |         |           | <b>2.856.000</b>  | <b>1 suất/10 SV</b>   |
| 1                                                  | 210315023 | Đinh Hoàng Tân      | 0107771387 | 334592684 | 3.48 | 72 | Khá | 100% | 21 | 136.000 | 2.856.000 | 2.856.000         |                       |
| <b>KHÓA 2016</b>                                   |           |                     |            |           |      |    |     |      |    |         |           | <b>9.384.000</b>  |                       |
| <b>IX. CAO ĐẲNG DỊCH VỤ THỦ Y (CA16DTY)</b>        |           |                     |            |           |      |    |     |      |    |         |           | <b>6.936.000</b>  | <b>5 suất/59 SV</b>   |
| 1                                                  | 213216021 | Phạm Văn Hoài       | 0110517789 | 334969736 | 2.58 | 83 | Khá | 100% | 17 | 136.000 | 2.312.000 | <b>2.312.000</b>  | <b>Chỉ đạt 3 suất</b> |
| 2                                                  | 213216027 | Văn Thành Linh      | 0110517812 | 334830458 | 2.68 | 83 | Khá | 100% | 17 | 136.000 | 2.312.000 | <b>2.312.000</b>  |                       |
| 3                                                  | 213216044 | Nguyễn Vinh Phúc    | 0110517823 | 225912287 | 2.58 | 77 | Khá | 100% | 17 | 136.000 | 2.312.000 | <b>2.312.000</b>  |                       |
| <b>X. CAO ĐẲNG NUÔI TRỒNG THỦY SẢN (CA16TS)</b>    |           |                     |            |           |      |    |     |      |    |         |           | <b>2.448.000</b>  | <b>1 suất/9 sv</b>    |
| 1                                                  | 210316028 | Huỳnh Thị Như Ý     | 0110512297 | 334925813 | 2.56 | 81 | Khá | 100% | 18 | 136.000 | 2.448.000 | <b>2.448.000</b>  |                       |
| <b>TỔNG CỘNG:</b>                                  |           |                     |            |           |      |    |     |      |    |         |           | <b>41.962.800</b> |                       |

Số tiền bằng chữ: Bốn mươi một triệu chín trăm sáu mươi hai nghìn tám trăm đồng

Tổng số sinh viên trong danh sách: 17



Võ Hoàng Khải

PHÒNG KH-TV

*Ngô Văn Phúc*

PHÒNG CTSV-HS

*Trần Thị Bích*

KHOA NÔNG NGHIỆP - THỦY SẢN  
TRƯỞNG KHOA LẬP BẢNG

*Lâm Chí Hùng* *Nguyễn Văn Thọ*

Trà Vinh, ngày 03 tháng 11 năm 2017

**DANH SÁCH NHẬN HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP**  
**HỌC KÌ I- NĂM HỌC 2016-2017 (ĐỢT 2)**  
**BẠC ĐẠI HỌC**

| STT                                         | MSSV      | HỌ VÀ TÊN           | SỐ TÀI KHOẢN | SỐ CMND   | ĐIỂM  |    | XẾP LOẠI HỌC BỔNG | PHẦN TRĂM (%) MỨC HB ĐƯỢC HƯỞNG | SỐ TÍN CHỈ | MỨC HỌC PHÍ THEO TÍN CHỈ | ĐƠN GIÁ HỌC BỔNG | THÀNH TIỀN | GHI CHÚ      |
|---------------------------------------------|-----------|---------------------|--------------|-----------|-------|----|-------------------|---------------------------------|------------|--------------------------|------------------|------------|--------------|
|                                             |           |                     |              |           | TB HK | RL |                   |                                 |            |                          |                  |            |              |
| 1                                           | 2         | 3                   | 4            | 5         | 6     | 7  | 8                 | 9                               | 10         | 11                       | 12=10x11         | 13=9x12    | 14           |
| KHÓA 2012                                   |           |                     |              |           |       |    |                   |                                 |            |                          |                  | 3.186.000  |              |
| I. ĐẠI HỌC THỦY Y (DA12TY)                  |           |                     |              |           |       |    |                   |                                 |            |                          |                  | 3.186.000  | 1 suất/07 SV |
| 1                                           | 112612009 | Trương Hồng Phần    | 0109046252   | 334849781 | 4.00  | 95 | XS                | 120%                            | 15         | 177.000                  | 2.655.000        | 3.186.000  |              |
| KHÓA 2013                                   |           |                     |              |           |       |    |                   |                                 |            |                          |                  | 46.161.900 |              |
| II. ĐẠI HỌC PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN (DA13PT)   |           |                     |              |           |       |    |                   |                                 |            |                          |                  | 5.097.600  | 2 suất/26 SV |
| 1                                           | 114713114 | Lê Thị Ngọc Hân     | 0108517885   | 334794078 | 3.75  | 90 | XS                | 120%                            | 12         | 177.000                  | 2.124.000        | 2.548.800  | 1 suất       |
| 2                                           | 114713009 | Võ Thị Ngọc Hân     | 0109045127   | 334794378 | 3.67  | 90 | XS                |                                 |            |                          |                  | 1.274.400  |              |
| 3                                           | 114713012 | Phạm Quốc Khánh     | 0108517888   | 334495512 | 3.67  | 90 | XS                |                                 |            |                          |                  | 1.274.400  |              |
| III. ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ THỰC PHẨM (DA13CNTP) |           |                     |              |           |       |    |                   |                                 |            |                          |                  | 13.027.500 | 4 suất/44 SV |
| 1                                           | 116213028 | Trần Quốc Toàn      | 0108471316   | 334827093 | 3.60  | 99 | XS                | 120%                            | 15         | 193.000                  | 2.895.000        | 3.474.000  |              |
| 2                                           | 116213084 | Trần Thị Mỹ Tăng    | 0109341468   | 334896567 | 3.80  | 86 | Giỏi              | 110%                            | 15         | 193.000                  | 2.895.000        | 3.184.500  |              |
| 3                                           | 116213109 | Phạm Anh Thư        | 0108518518   | 334859459 | 3.53  | 92 | Giỏi              | 110%                            | 15         | 193.000                  | 2.895.000        | 3.184.500  |              |
| 4                                           | 116213058 | Đặng Thị Ánh Nguyệt | 0108518505   | 331726447 | 3.53  | 97 | Giỏi              | 110%                            | 15         | 193.000                  | 2.895.000        | 3.184.500  |              |
| IV. ĐẠI HỌC KHOA HỌC CÂY TRỒNG (DA13KCT)    |           |                     |              |           |       |    |                   |                                 |            |                          |                  | 6.796.800  | 2 suất/30 SV |
| 7                                           | 113107    | Lê Minh Toán        | 0108517921   | 261393652 | 4.00  | 92 | XS                | 120%                            | 16         | 177.000                  | 2.832.000        | 3.398.400  |              |
| 8                                           | 113108    | Trần Thị Thảo Đăng  | 0108517881   | 334813239 | 4.00  | 95 | XS                | 120%                            | 16         | 177.000                  | 2.832.000        | 3.398.400  |              |

|                                               |           |                        |            |           |      |    |      |      |    |         |           |            |              |
|-----------------------------------------------|-----------|------------------------|------------|-----------|------|----|------|------|----|---------|-----------|------------|--------------|
| V. ĐẠI HỌC THỦ Y (DA13TY)                     |           |                        |            |           |      |    |      |      |    |         |           | 15.292.800 | 5 suất/65 SV |
| 1                                             | 111313034 | Nguyễn Hoàng Quý       | 0108589758 | 334857641 | 3.50 | 82 | Giỏi | 110% | 16 | 177.000 | 2.832.000 | 3.115.200  |              |
| 2                                             | 111313102 | Đỗ Huỳnh Mỹ Thy        | 0108589782 | 321515344 | 3.69 | 88 | Giỏi | 110% | 16 | 177.000 | 2.832.000 | 3.115.200  |              |
| 3                                             | 111313111 | Phạm Ngọc Quyên        | 0109131381 | 371684289 | 3.31 | 93 | Giỏi | 110% | 16 | 177.000 | 2.832.000 | 3.115.200  |              |
| 4                                             | 111313106 | Trần Thanh Hiền        | 0108589784 | 321506950 | 3.25 | 83 | Giỏi | 110% | 16 | 177.000 | 2.832.000 | 3.115.200  |              |
| 5                                             | 111313043 | Cao Trần Ngọc Hân      | 0108589763 | 321487572 | 3.50 | 76 | Khá  | 100% | 16 | 177.000 | 2.832.000 | 1.416.000  | 1 suất       |
| 6                                             | 111313062 | Thái Gia Bảo           | 0108589769 | 334865751 | 3.50 | 76 | Khá  |      |    |         |           | 1.416.000  |              |
| VI. ĐẠI HỌC NUÔI TRỒNG THỦY SẢN (DA13TS)      |           |                        |            |           |      |    |      |      |    |         |           | 5.947.200  | 2 suất/25SV  |
| 1                                             | 110313013 | Thái Trung Tính        | 0108517659 | 334865582 | 4.00 | 97 | XS   | 120% | 14 | 177.000 | 2.478.000 | 2.973.600  |              |
| 2                                             | 110313017 | Vô Thị Yến Nhi         | 0108517649 | 334784000 | 4.00 | 95 | XS   | 120% | 14 | 177.000 | 2.478.000 | 2.973.600  |              |
| KHÓA 2014                                     |           |                        |            |           |      |    |      |      |    |         |           | 69.591.000 |              |
| VII. ĐẠI HỌC THỦ Y A (DA14TYA)                |           |                        |            |           |      |    |      |      |    |         |           | 15.239.700 | 4 suất/49 SV |
| 1                                             | 111314096 | Trần Nhật Nam          | 0109591827 | 334840016 | 3.31 | 85 | Giỏi | 110% | 15 | 177.000 | 2.655.000 | 2.920.500  |              |
| 2                                             | 111314112 | Huỳnh Yến Nhi          | 0108910813 | 352266413 | 3.31 | 85 | Giỏi | 110% | 23 | 177.000 | 4.071.000 | 4.478.100  |              |
| 3                                             | 111314159 | Lê Ngọc Thảo           | 0109591754 | 381827684 | 3.31 | 93 | Giỏi | 110% | 23 | 177.000 | 4.071.000 | 4.478.100  |              |
| 4                                             | 111314180 | Phạm Văn Tòng          | 0109591766 | 321581660 | 4.00 | 65 | Khá  | 100% | 19 | 177.000 | 3.363.000 | 3.363.000  |              |
| VIII. ĐẠI HỌC THỦ Y B (DA14TYB)               |           |                        |            |           |      |    |      |      |    |         |           | 22.089.600 | 5 suất/57 SV |
| 1                                             | 111314141 | Trịnh Thị Thúy Quyên   | 0109591846 | 321538374 | 3.60 | 81 | Giỏi | 110% | 24 | 177.000 | 4.248.000 | 4.672.800  |              |
| 2                                             | 111314123 | Dương Thị Phần         | 0109591840 | 321544810 | 3.47 | 73 | Khá  | 100% | 24 | 177.000 | 4.248.000 | 4.248.000  |              |
| 3                                             | 111314097 | Quách Hoàng Kim Ngân   | 0108698725 | 321544314 | 3.40 | 73 | Khá  | 100% | 24 | 177.000 | 4.248.000 | 4.248.000  |              |
| 4                                             | 111314109 | Trương Thị Nguyệt      | 0109591832 | 334913957 | 3.33 | 69 | Khá  | 100% | 24 | 177.000 | 4.248.000 | 4.248.000  |              |
| 5                                             | 111314184 | Nguyễn Thị Ngọc Trâm   | 0109591768 | 334891973 | 3.27 | 80 | Giỏi | 110% | 24 | 177.000 | 4.248.000 | 4.672.800  |              |
| IX. ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ THỰC PHẨM A (DA14CNTPA) |           |                        |            |           |      |    |      |      |    |         |           | 7.874.400  | 2 suất/28 SV |
| 1                                             | 116214010 | Dương Thị Diễm Hương   | 0108834477 | 371828049 | 3.71 | 94 | XS   | 120% | 17 | 193.000 | 3.281.000 | 3.937.200  |              |
| 2                                             | 116214036 | Hồ Thị Diễm Sương      | 0109563913 | 334904325 | 3.65 | 98 | XS   | 120% | 17 | 193.000 | 3.281.000 | 3.937.200  |              |
| ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ THỰC PHẨM B (DA14CNTPB)     |           |                        |            |           |      |    |      |      |    |         |           | 10.422.000 | 3 suất/35 SV |
|                                               | 116214070 | Nguyễn Thị Phương Dung | 0109727849 | 334872267 | 3.29 | 75 | Khá  | 100% | 17 | 193.000 | 3.281.000 | 3.281.000  |              |
|                                               | 116214076 | Phạm Thị Cẩm Duyên     | 0109727872 | 331748522 | 3.35 | 76 | Khá  | 100% | 17 | 193.000 | 3.281.000 | 3.281.000  |              |
|                                               | 116214091 | Trần Thị Diễm Hương    | 0109727878 | 331775668 | 3.18 | 78 | Khá  | 100% | 20 | 193.000 | 3.860.000 | 3.860.000  |              |

|                                                     |           |                       |            |           |      |    |      |      |    |         |           |                   |                     |
|-----------------------------------------------------|-----------|-----------------------|------------|-----------|------|----|------|------|----|---------|-----------|-------------------|---------------------|
| <b>XI. ĐẠI HỌC KHOA HỌC CÂY TRỒNG (DA14KCT)</b>     |           |                       |            |           |      |    |      |      |    |         |           | <b>10.425.300</b> | <b>3 suất/38 SV</b> |
| 1                                                   | 114714088 | Đặng Thanh Trâm       | 0109733816 | 331800617 | 3.21 | 89 | Giỏi | 110% | 19 | 177.000 | 3.363.000 | 3.699.300         |                     |
| 2                                                   | 114714063 | Phan Thị Yến Nhi      | 0109733806 | 331821239 | 3.47 | 79 | Khá  | 100% | 19 | 177.000 | 3.363.000 | 3.363.000         |                     |
| 3                                                   | 114714022 | Trần Thanh Vân        | 0109733824 | 334872216 | 3.16 | 95 | Khá  | 100% | 19 | 177.000 | 3.363.000 | 3.363.000         |                     |
| <b>XII. ĐẠI HỌC PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN (DA14PT)</b>   |           |                       |            |           |      |    |      |      |    |         |           | <b>3.540.000</b>  | <b>1 suất/08 SV</b> |
| 1                                                   | 114714059 | Trương Thị Bảo Ngọc   | 0109733802 | 334883962 | 3.35 | 78 | Khá  | 100% | 20 | 177.000 | 3.540.000 | 3.540.000         |                     |
| <b>KHÓA 2015</b>                                    |           |                       |            |           |      |    |      |      |    |         |           | <b>72.012.800</b> |                     |
| <b>XIII. ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ THỰC PHẨM (DA15CNTP)</b> |           |                       |            |           |      |    |      |      |    |         |           | <b>24.877.700</b> | <b>5 suất/59 SV</b> |
| 1                                                   | 116215001 | Võ Thị Á Châu         | 0110073820 | 334851240 | 3.00 | 75 | Khá  | 100% | 26 | 193.000 | 5.018.000 | 5.018.000         |                     |
| 2                                                   | 116215007 | Trần Thị Kỳ Duyên     | 0110073828 | 331829822 | 3.12 | 84 | Khá  | 100% | 26 | 193.000 | 5.018.000 | 5.018.000         |                     |
| 3                                                   | 116215016 | Đặng Trần Mỹ Hoa      | 0110073831 | 334932053 | 3.43 | 84 | Giỏi | 110% | 23 | 193.000 | 4.439.000 | 4.882.900         |                     |
| 4                                                   | 116215019 | Lâm Thị Mỹ Huyền      | 0110073834 | 334944154 | 3.22 | 72 | Khá  | 100% | 23 | 193.000 | 4.439.000 | 4.439.000         |                     |
| 5                                                   | 116215055 | Nguyễn Thị Thanh Thủy | 0110074801 | 331776431 | 3.27 | 84 | Giỏi | 110% | 26 | 193.000 | 5.018.000 | 5.519.800         |                     |
| <b>XIV. ĐẠI HỌC THỦ Y A (DA15TYA)</b>               |           |                       |            |           |      |    |      |      |    |         |           | <b>16.567.200</b> | <b>5 suất/60 SV</b> |
| 1                                                   | 111315046 | Nguyễn Tuấn Khởi      | 0110083449 | 312340440 | 3.22 | 82 | Giỏi | 110% | 18 | 177.000 | 3.186.000 | 3.504.600         |                     |
| 2                                                   | 111315088 | Khuru Tiến Phong      | 0110086161 | 334902027 | 3.50 | 81 | Giỏi | 110% | 18 | 177.000 | 3.186.000 | 3.504.600         |                     |
| 3                                                   | 111315081 | Trần Thị Yến Nhi      | 0110083780 | 331802899 | 3.33 | 76 | Khá  | 100% | 18 | 177.000 | 3.186.000 | 3.186.000         |                     |
| 4                                                   | 111315082 | Nguyễn Bạch Yến Nhi   | 0110086157 | 331820533 | 3.11 | 75 | Khá  | 100% | 18 | 177.000 | 3.186.000 | 3.186.000         |                     |
| 5                                                   | 111315103 | Từ Thị Thủy Tiên      | 0110083796 | 334904009 | 3.15 | 71 | Khá  | 100% | 18 | 177.000 | 3.186.000 | 3.186.000         |                     |
| <b>XV. ĐẠI HỌC THỦ Y B (DA15TYB)</b>                |           |                       |            |           |      |    |      |      |    |         |           | <b>20.443.500</b> | <b>5 suất/65SV</b>  |
| 1                                                   | 111315003 | Nguyễn Thị Mỹ An      | 0110083432 | 321561935 | 3.60 | 85 | Giỏi | 110% | 21 | 177.000 | 3.717.000 | 4.088.700         |                     |
| 2                                                   | 111315133 | Trương Thị Cẩm Vân    | 0110083807 | 334896617 | 3.80 | 82 | Giỏi | 110% | 21 | 177.000 | 3.717.000 | 4.088.700         |                     |
| 3                                                   | 111315029 | Ngô Thị Thu Hiền      | 0110086130 | 334909684 | 3.80 | 83 | Giỏi | 110% | 21 | 177.000 | 3.717.000 | 4.088.700         |                     |
| 4                                                   | 111315058 | Đỗ Thị Kim Miều       | 0110086149 | 334943303 | 3.47 | 85 | Giỏi | 110% | 21 | 177.000 | 3.717.000 | 4.088.700         |                     |
| 5                                                   | 111315067 | Trần Ngọc Ngân        | 0110083457 | 334890905 | 3.47 | 87 | Giỏi | 110% | 21 | 177.000 | 3.717.000 | 4.088.700         |                     |
| <b>VI. ĐẠI HỌC KHOA NÔNG NGHIỆP (DA15NN)</b>        |           |                       |            |           |      |    |      |      |    |         |           | <b>10.124.400</b> | <b>4 suất/56SV</b>  |
|                                                     | 114715002 | Trần Văn Ân           | 0110079311 | 334953432 | 3.62 | 90 | XS   | 120% | 13 | 177.000 | 2.301.000 | 2.761.200         |                     |
|                                                     | 114715023 | Trần Thị Thu Thảo     | 0110079371 | 366074841 | 3.31 | 83 | Giỏi | 110% | 13 | 177.000 | 2.301.000 | 2.531.100         |                     |
|                                                     | 114715024 | Phạm Thị Thùy Trang   | 0110079377 | 334891208 | 3.31 | 81 | Giỏi | 110% | 13 | 177.000 | 2.301.000 | 2.531.100         |                     |

|                                                      |           |                    |            |           |      |    |      |      |    |         |           |                    |                     |
|------------------------------------------------------|-----------|--------------------|------------|-----------|------|----|------|------|----|---------|-----------|--------------------|---------------------|
| 4                                                    | 114715100 | Võ Thanh Thúy      | 0110079373 | 334954719 | 3.62 | 72 | Khá  | 100% | 13 | 177.000 | 2.301.000 | 2.301.000          |                     |
| <b>KHÓA 2016</b>                                     |           |                    |            |           |      |    |      |      |    |         |           | <b>9.592.100</b>   |                     |
| <b>XVII. ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ THỰC PHẨM (DA16CNTTP)</b> |           |                    |            |           |      |    |      |      |    |         |           | <b>9.592.100</b>   | <b>3 suất/35 SV</b> |
| 1                                                    | 116216011 | Ngô Thị Ngọc Duyên | 0110467114 | 334974752 | 3.59 | 91 | Giỏi | 110% | 17 | 193.000 | 3.281.000 | 3.609.100          |                     |
| 2                                                    | 116216080 | Kim Xuân Hòa       | 0110437349 | 334965786 | 2.94 | 72 | Khá  | 100% | 17 | 193.000 | 3.281.000 | 3.281.000          |                     |
| 3                                                    | 116216058 | Lê Thị Diễm Phương | 0110467133 | 334891790 | 3.86 | 76 | Khá  | 100% | 14 | 193.000 | 2.702.000 | 2.702.000          |                     |
| <b>TỔNG CỘNG:</b>                                    |           |                    |            |           |      |    |      |      |    |         |           | <b>200.543.800</b> |                     |

**Số tiền bằng chữ: Hai trăm triệu năm trăm bốn mươi ba nghìn tám trăm đồng**

Tổng số sinh viên trong danh sách: 58 sinh viên



**Võ Hoàng Khải**

**PHÒNG KH-TV**

*Ngô Lê Phe*

**PHÒNG CTSV-HS**

*[Signature]*

*Trần Thị Lúe*

**KHOA NÔNG NGHIỆP - THỦY SẢN**  
**TRƯỞNG KHOA**      **LẬP BẢNG**

*Lâm Thái Hùng*

*Nguyễn Văn (Glo)*